

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

Tập 6

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 10 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hiệp hội giáo dục Phật-đà Hồng Kông

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi! Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ tư, hàng thứ bảy, đây là đoạn thứ hai, chúng ta vẫn đọc từ đầu.

“Ông Vương hội tập kinh, tuy có công lớn đối với Tịnh tông, nhưng trong bản hội tập có khá nhiều sai lầm. Bạch khuê có vết, hiền giả than tiếc. Đại sư Liên Trì nói: “Phần trước thì sao chép, phần sau lại tự viết, lấy bỏ chưa trọn vẹn. Cư sĩ Bành Thiệu Thăng chê là: “Rối rắm, sai sót, không hợp tôn chỉ của viên giáo”. Chúng ta xem đến chỗ này trước. Trong phần trước, tôi đã giới thiệu các phiên bản kinh Vô Lượng Thọ hiện đang được lưu thông, ngoài năm bản dịch gốc ra thì còn có bốn bản nữa, ba bản là hội tập, một bản là tiết hiệu, nhân tiện ở đây tôi xin giới thiệu qua. Ông Vương là Vương Long Thư, hay Vương Nhật Hưu, hội tập kinh Vô Lượng Thọ sớm nhất. Có thể thấy rằng đã có người chú ý đến vấn đề này từ lâu rồi, có rất nhiều phiên bản, nhưng nội dung khác biệt rất lớn. Nếu bảo đọc cả năm bản thì quả thật rất phiền phức; đọc một bản thì chẳng thấy những điều được nói trong bốn bản kia, trong bốn bản kia có rất nhiều kinh văn mà bản này không có, rất đáng tiếc, cho nên đây là một nhân tố quan trọng khiến những bản này được lưu thông rất ít. Cư sĩ Vương Long Thư là người thời Tống, phần trước đã giới thiệu rồi, trước tác của ông rất phong phú, ông niệm Phật thật sự có công phu, khi vãng sanh là đứng mà ra đi. Tịnh Độ Văn của ông vô cùng hay, cũng có thể dùng để học quốc văn. Trong phần trước, tôi đã giới thiệu với quý vị, Trúc Song Tùy Bút của đại sư Liên Trì, Linh Phong Tông Luận của đại sư Ngẫu Ích, Tịnh Độ Văn của cư sĩ Vương Long Thư cũng hết sức hay, văn tự hết sức hay, đều là những tác phẩm văn chương hay của các bậc đại đức trong Tịnh tông. Chúng ta học văn ngôn văn, xem những tác phẩm này như sách để học quốc văn thì rất tốt.

Sau khi bản hội tập của ông ra đời, được lưu thông rất rộng, bạn thấy Đại Chánh tạng của Nhật Bản và Long tạng được biên tập dưới thời vua Càn Long đều

cho nhập tạng bản này. Có thể đưa vào Đại tạng kinh, tức là được các vị đại đức thuở ấy chấp nhận. Thế nhưng bản của ông vẫn có sai lầm, sai sót chính là sai lầm, còn có những sai sót. “Bạch khuê có vết, hiền giả than tiếc”, hai câu này là lời xót xa, đáng tiếc là ông làm chưa viên mãn, còn có khuyết điểm. Đại sư Liên Trì cũng hết sức bội phục ông Vương, trong Di-đà Kinh Sớ Sao của đại sư Liên Trì, đây là một tác phẩm rất lớn, trong đó trích dẫn kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ, hơn phân nửa là trích từ bản hội tập của cư sĩ Long Thư, đây cũng là sự khẳng định đối với bản hội tập này. Đương nhiên bản này chưa được tận thiện tận mỹ, cho nên đại sư Liên Trì cũng phê bình, nói bản này là “phần trước thì sao chép, phần sau lại tự viết, lấy bỏ chưa trọn vẹn”, hai câu này trong phần sau có giải thích. Ông Bành Thiệu Thăng có làm bản tiết hiệu, chẳng phải là hội tập, chỉ dùng bản của Khang Tăng Khải. Bản dịch của Khang Tăng Khải cũng không dễ đọc cho lắm, ông Bành đem chỉnh lý một lần nữa, soạn thành bản mới, bỏ đi những chỗ trúc trắc, khó hiểu, cho nên bản tiết hiệu này đọc lên rất lưu loát. Cũng xem như một bản kinh hay, nhưng không thể xem là bản hội tập, mà coi là bản tiết hiệu. Ông cũng phê bình bản hội tập của cư sĩ Long Thư, bảo là “rối rắm, sai sót, không hợp tôn chỉ của viên giáo”, cũng là nói bản hội tập của ông Vương chưa hoàn mỹ. Chẳng thể bảo ông Vương không có công lao gì, quả thật cũng không thể phủi sạch công lao của ông, nhưng chưa phải là bản hoàn mỹ, đây là một chuyện rất đáng tiếc.

Tiếp theo là lời giải thích của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. “*Nay người viết*”, đây là nói người cầm bút viết bản chú giải này, tức là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, “*kính vâng theo các nhận định của cổ đức*”, chúng ta hiện nay gọi là căn cứ theo cách nói của cổ đại đức, “*trộm kể ra những khuyết điểm của ông Vương*”, trộm kể ra là theo cách so sánh, cách nghĩ của riêng tôi, thì bản hội tập của cư sĩ Long Thư tôi thiếu có ba chỗ sai sót. Điều thứ nhất: “*Bản hội tập của ông Vương chỉ dựa trên bốn bản dịch, chưa có bản dịch thời Đường. Bản dịch thời Đường có tên là hội Vô Lượng Thọ Như Lai, trích từ kinh Đại Bảo Tích do đại sư Bồ-đề-lưu-chí dịch, kinh văn có nhiều chỗ sâu xa huyền diệu, tinh hoa quan trọng mà những bản dịch khác không có*”. Những bản dịch khác là bốn bản dịch gốc kia, trong ấy không có, quả thật cư sĩ Long Thư cả đời chưa thấy bản hội Như Lai trong kinh Đại Bảo Tích. Từ chỗ này chúng ta mới hiểu vào thời xưa có được kinh sách đâu phải dễ, bởi vì thời đó kinh sách đều vẫn phải chép bằng tay. Cho nên, trong kinh sách truyền từ xưa có chữ sai là chuyện khó tránh khỏi, một bộ kinh phân lượng lớn như vậy, khó tránh khỏi việc chép thiếu một chữ, chép sai một chữ, hết sức khó tránh chuyện này. Bản dịch thời

Đường, như lão cư sĩ Hoàng Niệm Tô đã nói, có nhiều đoạn văn tự sâu xa huyền diệu, tinh hoa quan trọng mà ngài không thấy có trong bốn bản dịch kia, đương nhiên như vậy là bị sót mất rồi. Đây là chỗ không viên mãn thứ nhất, tức là ông Vương chưa đọc hết năm bản dịch gốc, đây là điều thứ nhất.

Thứ hai, *“lấy bỏ chưa trọn vẹn”*, đây là lời phê bình của đại sư Liên Trì, chê ông Vương lấy bỏ chưa trọn vẹn, tức là nói *“lấy chỗ rườm rà, bỏ chỗ quan trọng, sửa sâu thành cạn”*, ông mắc phải khuyết điểm này. Những chỗ rườm rà đáng nên tinh giản, ông vẫn chép vào; những chỗ quan trọng thì bị bỏ sót, sơ ý bỏ sót, ở đây nêu ra ví dụ, chứng minh lời này chẳng phải là nói tùy tiện. *“Chẳng hạn như đại sư Liên Trì đã trách: Như trong phần ba bậc vãng sanh”*, trong đoạn kinh văn này, *“bản dịch thời Ngụy nói cả ba bậc đều phát tâm Bồ-đề”*, bản dịch thời Ngụy là chỉ cho bản Khang Tăng Khải; trong bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, ba bậc vãng sanh đều phát tâm Bồ-đề, nhưng trong bản hội tập của Vương Long Thư chỉ có bậc trung là phát tâm Bồ-đề, bậc hạ ông nói không phát, không phát tâm Bồ-đề, bậc thượng cũng chẳng nói, không đề cập đến, *“thành ra mất đi thứ tự cao thấp, cho nên bảo là chưa trọn vẹn”*, đây là nói lấy bỏ chưa trọn vẹn. Lời ngài nói có căn cứ. Ngài bảo: *“Từ ví dụ trên có thể thấy, bậc thượng cũng chẳng nói”*, bậc thượng là vãng sanh bậc thượng, [bản hội tập của ông Vương] chẳng nói phát tâm Bồ-đề. Tâm Bồ-đề quan trọng biết bao! Đây là “bỏ chỗ quan trọng”, bỏ sót điều quan trọng! Đối với bậc hạ, kinh cũng nói là phát tâm Bồ-đề, nhưng ông viết là “chẳng phát”, tức là bậc hạ có thể không cần phát tâm Bồ-đề, đó là “sửa sâu thành cạn”. Đây là những chỗ mà đại sư Liên Trì và Bành cư sĩ chê trách ông Vương, thật sự có căn cứ, không phải là nói tùy tiện.

Thứ ba, *“tùy tiện thêm văn tự, nghiêm nhiên tự sáng tác”*, tùy tiện là tùy ý, viết thêm văn tự, giống như chính mình sáng tác vậy, điều này không thể được. Phiên dịch thì được, nếu bạn dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Trung thì được, vì bạn phải cân nhắc nên dùng câu từ nào. Nhưng hội tập thì không thể, hội tập nhất định phải dùng nguyên văn, không thể thay đổi văn tự, đại sư Ấn Quang hết sức coi trọng chuyện này. Bởi lẽ, nếu tùy tiện sửa đổi văn tự, tôi nghĩ dùng từ này hay, tôi bèn sửa; bạn cho rằng từ kia mới hay, bạn lại sửa, sửa tới sửa lui, đến cuối cùng không cách nào đọc bản kinh Phật này được nữa. Do vậy, phải tôn trọng lời dịch gốc, nhất định không được sửa đổi, cho dù nhận thấy có vấn đề thì có thể ghi chú bên cạnh, không được sửa chữ, đây là quy củ. Cho nên đã sơ sót chỗ này. *“Vì thế, đại sư Liên Trì trách*

ràng”, quở trách ông Vương: “*Phần trước thì sao chép, phần sau lại tự viết, không tuân thủ quy củ dịch kinh*”. Tiếp theo nói rõ: “*Trách ông phần trước thì sao chép trích dẫn kinh văn*”, đây là phần trước sao chép, “*còn phần sau lại tự sáng tác câu từ*”, chính là thêm ý của mình vào phía sau, cũng giống như phiên dịch vậy, việc này sai rồi. Phía sau nếu có kiến giải thì có thể viết chữ nhỏ ghi chú bên cạnh, nhất định không được viết lẫn lộn vào kinh văn, đây là một điều kỵ rất lớn, đó gọi là “*phần trước thì sao chép, phần sau lại tự viết, không tuân thủ quy củ dịch kinh*”. Dịch kinh có quy củ của dịch kinh, đây là vi phạm quy củ của dịch kinh rồi, ông cũng không phải là phiên dịch, mà là hội tập. Tiếp theo nói: “*Đã là hội tập thì nhất định phải dựa theo kinh văn gốc, muôn vàn không được tự tiện thêm câu văn vào bản dịch gốc*”. Cư sĩ Long Thư đã phạm quy củ này, bạn là hội tập, chứ không phải phiên dịch. Bạn phiên dịch thì được, bản thân bạn cần nhắc nên dùng chữ gì, dùng từ gì để dịch ý nghĩa tiếng Phạn này, được phép làm như thế. Nhưng hội tập thì không được, bởi vì bạn không dựa trên nguyên văn bằng tiếng Phạn, mà dùng bản dịch do người khác đã dịch sang tiếng Hán rồi, bạn nhất định phải tôn trọng, phải dựa vào kinh văn gốc, không thể sửa đổi một chữ, đây là quy củ hội tập. Như vậy cư sĩ Long Thư có sửa đổi, sửa có hay không? Sửa rất hay, tuy sửa rất hay nhưng đã phá hoại quy củ, việc này không cho phép, bạn không được phá hoại quy củ, không thể tạo ra tiền lệ này. Bạn có thể sửa thì người khác cũng có thể sửa. Với bạn thì không có vấn đề gì, sự tu dưỡng của bạn đối với kinh Phật đã đạt tới tiêu chuẩn này, công phu và cảnh giới tu trì cũng đã đạt tới, bạn sửa cũng không tệ, nhưng hễ tạo ra tiền lệ này thì người đời sau sẽ như thế nào? Người đời sau chưa đạt đến trình độ như bạn nhưng họ cũng sửa, Cư sĩ Vương Long Thư có thể sửa, vì sao tôi không thể sửa? Một phen lập ra tiền lệ này thì về sau những tệ đoan sẽ xuất hiện.

Nói thật ra, [bản hội tập của] Vương Long Thư có vấn đề, bản của Ngụy Mặc Tâm cũng có vấn đề này. Chúng ta xem kỹ, ông sửa có hay không? Sửa rất hay, nhưng nếu bạn nghĩ tới những tác hại về sau thì đáng sợ lắm, không thể tạo ra tiền lệ này, không phải là nói ông sửa không hay, mà là không được tạo ra tiền lệ. Phải thế nào mới trọn vẹn đôi bề? Tôi vừa nói là dùng chữ nhỏ ghi chú bên cạnh, như vậy thì được, cách này có thể tận thiện tận mỹ. Cho nên đây là: “*Thế nên mới trách ông Vương chưa tuân theo quy củ dịch kinh. Từ những điều trên có thể thấy được khuyết điểm của ông Vương*”, do ông có những chỗ thiếu sót, bản hội tập của ông có chỗ sai sót, “*chứ chẳng phải là không nên hội tập, mà do trong bản hội tập có nhiều tí vết*”, đó là tí vết, có đến mấy tí vết, nên không thể gọi là bản tận thiện tận mỹ được.

Đây thuộc về thường thức, một thường thức rất quan trọng, chúng ta học Phật cần phải tôn trọng kinh điển, không thể tùy tiện sửa đổi nguyên văn của kinh điển, đối với chú giải của cổ đại đức cũng không được tùy tiện thêm bớt văn tự. Cổ đức có thể chú giải bộ kinh này, bản chú giải ấy có thể lưu truyền cho đến ngày nay, thường là mấy trăm năm, trong mấy trăm năm ấy, người đọc tác phẩm này rất nhiều, bạn thấy người xưa đều có thể tôn trọng, chúng ta sao có thể tùy ý sửa đổi văn tự của các ngài được? Đây là chuyện rất thiếu đạo đức. Chúng ta có ý kiến thì có thể thêm ghi chú vào bên cạnh, được phép làm điều này.

Chúng ta lại đọc đoạn tiếp theo: *“Cư sĩ Bành Thiệu Thăng tiếc cho những khuyết điểm trong bản của ông Vương”*, đây là nói về việc rất đáng tiếc, cảm thấy bản của ông Vương là một bản rất hay, nhưng hết sức đáng tiếc là có chút tì vết này, chưa hoàn mỹ. *“Bèn lấy bản dịch thời Ngụy mà tóm lược lại”*, ông chỉ dùng một bản, việc làm này của ông không được xem là hội tập, do chỉ dùng bản dịch của ngài Khang Tăng Khải thời Tào Ngụy. Thời đại Tam Quốc, Tào Tháo nắm quyền, là thời Tào Ngụy, ngài Khang Tăng Khải là người thời đó. Phật pháp đã khá hưng thịnh trong thời Tam Quốc, các triều Ngụy, Thục, Ngô đều có [Phật giáo], các địa phương đều có đạo tràng Phật giáo. Đây là phiên bản thứ bảy của kinh Vô Lượng Thọ, bản của ông Vương Long Thư nói ở trên là bản thứ sáu. Năm loại trước là bản dịch gốc, loại thứ sáu là bản hội tập của Vương Long Thư, bản của Bành Thiệu Thăng là loại thứ bảy, loại thứ bảy là bản tiết hiệu, cũng được lưu thông, người ta cũng thích đọc. *“Có điều đây chỉ là bản tiết hiệu của riêng mỗi bản dịch thời Ngụy, chứ không phải là bản hội tập của các bản dịch”*. Bản tiết hiệu này trong thời đại hiện nay, thời đại này là gì? Gọi là thời đại tri thức bùng nổ, bạn thấy số lượng sách so với trước đây nhiều hơn biết bao nhiêu! Trước đây in một quyển sách thật không dễ dàng, hiện nay đặc biệt là công nghệ phát triển, xuất bản một quyển sách dễ như trở bàn tay. Chúng ta vào nhà sách mà xem, trước kia vào nhà sách từ trường hết sức tốt, bước vào thư viện, bước vào hiệu sách từ trường đặc biệt tốt. Hiện nay không được, hiện nay thỉnh thoảng tôi đến nhà sách tìm mấy cuốn sách, vừa bước vào thì cảm nhận từ trường hết sức xấu, vì nguyên nhân gì? Chánh luận không còn nữa, đều là tà tri tà kiến, nên tạo ra cảm giác hết sức lớn, hết sức rõ rệt cho tôi. Hồi tôi còn trẻ thường dạo tiệm sách, quả thật là sách vở của cổ nhân chỉ ít chiếm phân nửa, một nửa là của người thời nay, nửa kia của cổ nhân. Hiện nay tác phẩm của cổ nhân ít ỏi, chúng ta tới nhà sách sẽ thấy chỉ là một góc nhỏ, những sách khác đều của người thời nay, vì thế từ trường rất không tốt. Kiểm một nơi có từ trường thanh tịnh thư thái, gần như

hiện nay chúng ta tìm không ra, do nguyên nhân gì? Tôi nghĩ mọi người chúng ta đều biết. Ai đã phá hoại từ trường? Khoa học kỹ thuật, những thứ vừa được khoa học kỹ thuật phát minh ra đã phá hoại từ trường của cả địa cầu.

Chúng ta hãy quan sát tỉ mỉ cuộc sống của mình. Những thứ người bình thường ăn, đúng như kinh Vô Lượng Thọ đã nói là “uồng đắng, ăn độc”, toàn ăn chất độc. Thịt của động vật, nếu là 60 năm trước, không nói xa xôi, so với 60 năm trước, người bảy, tám mươi tuổi có thể nhớ lại, những món thịt mà bạn ăn lúc nhỏ có mùi vị giống với thịt mà hiện nay mình ăn hay không? Tôi từng hỏi sư mẫu tôi, tức là vợ của tiên sinh Phương Đông Mỹ, tôi nêu ra câu hỏi: “Cô ăn thịt heo, thịt gà so với tuổi thơ, tuổi thiếu niên, mùi vị có giống nhau hay không?” Bà suy nghĩ ba bốn phút rồi nói với tôi: “Không giống!” Chúng ta là người ăn chay, hãy suy nghĩ kỹ xem, rau mà chúng ta ăn hiện nay, những thứ rau thường ăn như bắp cải, hay rau dền, hoặc củ cải, đặc biệt là các loại nấm, có giống như 60 năm trước hay không? Quá khác biệt! Sáu mươi năm trước vị nấm đông cô tươi biết bao, ngon biết bao! Hiện nay chẳng có mùi vị gì. Nhìn thấy rất to, hình dáng rất đẹp nhưng không có vị gì hết! Rau cũng không tươi ngon như thuở trước, đều không còn nữa, do nguyên nhân gì? Thuốc trừ sâu và phân hóa học đã phá hoại rồi. Vì vậy đất đai hiện nay có chất độc, bạn trồng thứ gì cũng đều có độc, đây chẳng phải là ăn chất độc đó sao? Đúng vậy, không giả tí nào. Vì thế người sống trong thế gian này, càng sống càng vô vị, cuộc sống càng ngày càng khổ. Khoa học hiện nay gọi là gì? Biến đổi gen, phá hoại toàn bộ gen, phá hoại hoàn cảnh thiên nhiên, phá hoại cuộc sống của chúng ta.

Chúng ta xem tiếp: “*Do vậy vào cuối đời Thanh, cư sĩ Ngụy Thừa Quán, tự là Mặc Thâm*”, chúng ta thường gọi là Ngụy Mặc Thâm, hoặc gọi là Ngụy Nguyên. Cư sĩ Ngụy là người đời Thanh, cuối triều Thanh, là người sống vào thời Hàm Phong. Chúng ta biết Từ Hy thái hậu, Từ Hy thái hậu là phi tử của hoàng đế Hàm Phong. “*Vì cứu vãn khuyết điểm của ông Long Thư, bèn lấy năm bản dịch gốc, hội tập lần nữa, thành một bản khác, ban đầu vẫn gọi là kinh Vô Lượng Thọ, về sau được ông Chánh Định Vương Canh Tâm đổi tên thành kinh Ma-ha A-di-đà*”. Bản này hiện thời không được lưu thông, nhưng trong Đại tạng kinh thì có, đây là bản thứ tám của kinh Vô Lượng Thọ. “*Bản của ông Ngụy vẫn tự ngắn gọn, xác đáng, vượt xa bản của ông Vương*”, hội tập không tẻ, tiến bộ hơn bản của ông Vương Long Thư. “*Nhưng khuyết điểm tự tiện thêm lời văn vào vẫn chưa thể hoàn toàn tránh khỏi, cho nên bản của ông Ngụy cũng chưa phải là hoàn thiện*”. Trong Văn Sao, đại sư Ấn Quang phê bình

ông Ngụy đã tùy tiện làm theo ý mình, sửa văn tự trong kinh văn. Chuyện này năm xưa chúng tôi học kinh giáo với thầy Lý tại Đài Trung, thầy có nêu lên vấn đề này. Ông sửa có hay không? Sửa thật sự rất hay. Nhưng cũng là tạo ra tiền lệ, bạn xem Vương Long Thư tạo ra tiền lệ này, Ngụy Mặc Thâm lại noi theo lệ ấy, việc này quá đáng sợ, sợ là sẽ tạo thành tiền lệ cho những người sau chưa đạt được trình độ như vậy, chưa có cảnh giới này mà tùy tiện sửa kinh, vấn đề này nghiêm trọng lắm.

Như chúng tôi vừa nói, bản trích lục đối với xã hội hiện nay rất cần thiết, vì người trong xã hội hiện nay thích đơn giản, bạn có một quyển kinh phân lượng lớn như thế, người ta không muốn đọc, mà cũng không có thời gian đọc. Càng đơn giản càng tốt, người ta càng thích, đặc biệt là đối với giới tri thức. Do vậy, tôi cũng soạn bản trích lục, tôi soạn bản trích lục cho kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đối với Đệ Tử Quy tôi cũng soạn bản trích lục. Bản trích lục Thập Thiện Nghiệp Đạo của tôi đại khái chỉ có 600 chữ, tiện lợi, mọi người đọc lên là thích, lưu thông dễ dàng. Tôi còn có một bản trích lục nữa, đó là bản trích lục của Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông, bản của tôi là trích lục giảng nghĩa, cuốn Giảng Nghĩa phân lượng rất lớn, tôi trích lấy từng điều trọng yếu. Tôi đã giảng kinh Kim Cang một lần, hình như là giảng Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa Tiết Yếu, dùng bản trích lục này để giảng. Bản trích lục này cũng được lưu thông, có thể nói là rất thuận tiện cho người mới học. Nếu bạn muốn thâm nhập thì hãy đọc bản gốc. Trong thời đại hiện nay có nhu cầu này.

Tiếp theo là nói đến bản hội tập này của chúng ta, giới thiệu cho chúng ta nhân duyên cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập kinh này. “*Tiên sư lão cư sĩ Hạ Liên Cư*”, thầy của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã qua đời, đã vãng sanh rồi, nên gọi là tiên sư, là lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Trước hết, giới thiệu giản lược về đức hạnh của lão cư sĩ. “*Bi trí song vận*”, ngài thật sự có lòng từ bi, có trí tuệ, từ “song” chỉ cho từ bi và trí tuệ, tự hành hóa tha, “vận” là vận dụng để tự hành hóa tha. Điều này tương đối chẳng dễ dàng, có những người có lòng từ bi nhưng thiếu trí tuệ; người có trí tuệ mà thiếu lòng từ bi thì không chịu dạy người khác, đều không hoàn mỹ. Có trí tuệ lại chịu dạy người khác, đó là Bồ-tát! “*Thông cả Tông lẫn Thuyết*”, Tông là Thiên tông, Thuyết là Giáo hạ, nói đến Phật pháp Đại thừa của Trung Quốc thì chính là Tông môn và Giáo hạ, cho nên bản thân Phật giáo được gọi là Tông giáo, không liên quan gì đến từ “tôn giáo” mà chúng ta nói hiện nay, nhất định phải biết điều này. Phật pháp tự xưng là Tông giáo, Tông ở đây là Thiên tông, còn gọi là Tông môn, chín tông phái thì ngoài

Thiền tông đều gọi là Giáo hạ. Vì sao nói như thế? Phương thức giáo học của họ khác nhau, Thiền tông là ngộ rồi mới tu, khi chưa khai ngộ thì không xem kinh giáo, không đọc kinh điển, sau khi khai ngộ mới xem kinh điển; còn Giáo hạ thì hạ thủ nơi kinh điển trước, đến cuối cùng là khai ngộ, thế nên đây là hai con đường khác nhau.

Như vậy thì Thiền tông dành cho căn tánh nào? Người thượng thượng căn, đây là đối tượng của thiền, người thường không làm được, chúng ta phải hiểu điều này, người thông thường không làm được. Cho nên, nếu không phải là người thượng thượng căn mà bạn đi tham thiền, tham suốt đời, gọi là uổng công tham, bạn không khai ngộ. Nếu bạn không thể khai ngộ thì không thể liễu sanh tử; nói cách khác, đàng luân hồi như thế nào thì vẫn luân hồi như thế ấy. Thế nên lúc tôi mới học Phật, ba vị thầy đều cảnh cáo tôi không được học Thiền tông, nhất định không thể học theo Lục Tổ Đàn Kinh, không thể học ngài Huệ Năng, các thầy thẳng thừng bảo tôi: “Anh không đủ điều kiện ấy!” Thầy Phương giới thiệu cho tôi Pháp Tướng Duy Thức và Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm; thầy Lý giới thiệu cho tôi Tịnh độ và Đại Phật Đảnh Thủ Lăng-nghiêm, đây là Giáo hạ. Đối tượng của Giáo hạ là ba căn: thượng, trung, hạ, hạ thủ nơi kinh điển, tu dần từng bước, giống như đi học, bạn học từ tiểu học, trung học, đại học, đến nghiên cứu sinh, từ từ tiến lên. Đối tượng của Thiền tông là đứa trẻ thiên tài, nó không cần tiểu học, trung học, đại học, đều không cần, thoáng chốc là có thể học nghiên cứu sinh, có bản lĩnh này. Thế nên, không có bản lĩnh này thì không thể đụng vào thiền, thật sự là không thể tùy tiện học tập được.

Cho nên trong Phật pháp, một cái là Thiền, một cái là Mật, Mật đỡ hơn Thiền một chút, quả thật nếu không phải là người thượng thượng căn thì sẽ không đạt được lợi ích nơi Thiền tông. Mật cũng như vậy, nhưng Mật còn có thứ tự, trước hết học Hiền giáo, Hiền giáo có trình độ nhất định, Hiền giáo chính là Giáo hạ, có trình độ nhất định, phải tham gia khảo thí. Cũng có nghĩa là chưa đại triệt đại ngộ trong Hiền giáo [thì không thể học Mật], đại triệt đại ngộ là kiến tánh rồi, thấp hơn mức đại triệt đại ngộ một bậc thì phải là đại ngộ, có tiểu ngộ, có đại ngộ; nói cách khác, đã đạt được tâm thanh tịnh rồi. Đối với đại triệt đại ngộ thì dùng tiêu chuẩn trong tựa đề kinh này của chúng ta là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó là điều kiện của Thiền tông, điều kiện của Tông môn. Trong Giáo hạ thì bạn được tâm thanh tịnh, xin thưa được tâm thanh tịnh là buông bỏ kiến tu phiền não rồi, không còn chấp trước nữa, đương nhiên đã khai trí tuệ, tâm thanh tịnh sanh trí tuệ, đó gọi là khai ngộ. Vẫn chưa phải là đại ngộ, nhưng nếu đã thật sự được

tâm thanh tịnh, đoạn được kiến tư phiền não rồi, có thể học Mật được không? Có thể, nhưng vẫn chưa phải là học sinh chính thức của Mật tông. Học sinh chính thức của Mật tông còn phải lên cao hơn một tầng nữa là đại ngộ, chưa phải là triệt ngộ, mà là đại ngộ. Đại ngộ là gì? Còn phải buông bỏ trần sa phiền não, chính là đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều không phân biệt nữa, đó là học sinh chính thức của Mật tông, bạn mới có tư cách học tập, không hề dễ dàng. Người này đã đại ngộ, nhưng vẫn chưa triệt ngộ, vì sao vậy? Vẫn còn khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm tức là chưa phá vô minh phiền não.

Chúng ta chọn lựa pháp môn, chính mình phải hiểu rõ mình thuộc căn tánh gì, chọn sai thì bạn sẽ uống nhầm thuốc, bị bệnh mà uống nhầm thuốc, chẳng những không trị hết bệnh, mà không chừng bệnh còn thêm bệnh, bạn nói xem phiền phức biết bao. Phật pháp là thuốc. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, giống như vào tiệm thuốc thấy các loại thuốc bày la liệt nhiều ngàn ấy, bạn có thể uống hay không? Có dám uống không? Chúng ta biết, không có bác sĩ kê toa thì không dám uống, sợ uống vào thì xong đời; vậy mà Phật pháp bạn tùy tiện tu, bạn không sợ hay sao? Cho nên trong kinh Đại thừa, trong kinh Hoa Nghiêm có nói: “Phật pháp không người giảng, tuy trí chẳng thể hiểu”. Các tổ sư đại đức từ xưa đến nay giống như bác sĩ, giống như y tá, các ngài thông hiểu, chúng ta muốn học Phật thì hãy tìm các ngài, các ngài thấy chúng ta thuộc căn tánh nào thì sẽ giới thiệu cho chúng ta kinh điển đó, đây là chuyện tất yếu, bản thân chớ tùy tiện mò mẫm. Cho nên việc học Phật, bạn thấy đó, người thầy là mấu chốt quyết định sự thành bại đối với việc tu học của bạn trong đời này, nếu bạn gặp được thiện tri thức thật sự, một vị thầy tốt thật sự thì bạn sẽ được lợi thế rất lớn. Vì sao vậy? Không đi đường vòng, bản thân mắc bệnh, tìm được bác sĩ giỏi, bác sĩ khám bệnh, kê toa cho bạn, bạn uống thuốc này vào thì bệnh liền khỏi. Vì thế, thiện hữu trong Phật môn khó gặp! Chúng ta đến nơi đâu để cầu? Có điều hiện nay cũng chẳng ai cầu, vì sao vậy? Ngay cả với cha mẹ mà còn bất hiếu, còn không cần thì nói gì đến tôn trọng thầy nữa?

Phật pháp là giáo dục của thánh hiền, là giáo dục của đại thánh đại hiền. Nếu bạn không biết tôn sư trọng đạo thì bạn đi đâu để cầu? Không có nơi để cầu. Trong cửa Phật thường nói: “Phật độ người hữu duyên”, ai là người hữu duyên? Thưa quý vị, người hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo là người hữu duyên. Người bất hiếu với cha mẹ, bất kính tôn trưởng, không coi trọng thánh đạo thì không có duyên! Dù có gặp thiện tri thức chân chánh thì cũng vô dụng, vì sao vậy? Bạn không thể tiếp

nhận, bạn đọc kinh không hiểu, bạn sẽ hiểu lệch ý nghĩa, chính mình suy nghĩ đây là nghĩa gì, nghe kinh cũng không hiểu. Thế nên kệ khai kinh nói rất hay: “Nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai”, bạn không có tâm tôn kính, không có tâm thành kính, nghe rồi sẽ hiểu sai lệch ý nghĩa, dùng phiền não tập khí của chính mình, dùng tri kiến bất chánh để giải thích kinh Phật thì sẽ giải thích kinh sai hoàn toàn. Học được mấy mươi năm, cuối cùng bảo kinh Phật không linh, lại còn hủy báng. Vì thế, thiện tri thức chân chánh suốt đời có một nguyện vọng duy nhất là kiếm được truyền nhân. Thầy truyền dạy Phật pháp cho ta, ta phải truyền cho người nào? Nếu không có truyền nhân thì bạn phải viết sách, đem những điều đã học, đã ngộ của mình viết thành sách, lưu truyền sách ấy cho hậu thế, hồng truyền cho người hữu duyên trong đời sau. Không dễ gì! Quá khó.

Thầy Lý nói cho tôi biết, học trò tìm thầy đã khó, thầy kiếm được một học trò để truyền pháp càng khó hơn, đến đâu để tìm? Không thể nói học trò của thầy Lý không đông, đông lắm, tính toán dè dặt nhất cũng phải hơn nửa triệu người, trong số đó có mấy người có thể truyền pháp của thầy? Người vãng sanh thì có, người vãng sanh không ít, niệm Phật vãng sanh; còn người thật sự truyền pháp thì ít lắm! Quá khó. Người thật sự truyền pháp phải hội đủ điều kiện như đại sư Ấn Quang nói: Bạn đối với thầy có một phần thành kính, được một phần lợi ích; có hai phần thành kính, được hai phần lợi ích; có mười phần thành kính, bạn được mười phần lợi ích; không thành kính, dầu bạn nghe suốt 100 năm ở nơi đó cũng không có lợi ích, mấu chốt là ở chỗ này. Thành kính do đâu mà có? Thành kính là tánh đức, từ hiếu dưỡng phụ mẫu sanh ra, dùng tâm hiếu dưỡng cha mẹ để đối đãi thầy, đó là tôn sư trọng đạo. Nếu đối với cha mẹ cũng không hiếu thuận, vậy xong rồi, đời này học Phật chỉ có một lợi ích, đó là gieo hạt giống Phật pháp vào trong a-lại-da thức, nhưng đời này không thể thành tựu. Chúng ta nghe thấy lời này, rất đáng sợ, không thể thành tựu thì làm sao đây? May mà có duyên phận đặc biệt với pháp môn Tịnh tông, bạn phải thật sự học, sám trừ nghiệp chướng, hễ còn một hơi thở thì sau cùng một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh, đây là chỗ thù thắng trong Tịnh tông. Do vậy, tại Liên xã Đài Trung, chúng tôi thấy quả thật có không ít liên hữu vãng sanh, tính toán dè dặt nhất thì thầy Lý giảng kinh, dạy học tại Đài Trung 38 năm, người theo thầy niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc, thật sự vãng sanh, tôi ước chừng phải hơn 500 người. Công đức này thù thắng, thật sự khó được, rất tốt.

Cho nên Phật pháp là sư đạo, sư đạo nhất định lấy hiếu đạo làm nền tảng, bạn thấy tịnh nghiệp tam phước đã nói rất rõ ràng, câu đầu tiên của điều thứ nhất là “hiếu dưỡng cha mẹ”, câu thứ hai là “phụng sự sư trưởng”, “từ tâm không giết, tu thập thiện nghiệp”, đây là điều kiện cơ bản để vào cửa Phật, bạn phải làm được bốn câu này thì mới có thể trở thành một đệ tử Phật thật sự. Nói cách khác, đối với kinh Phật bạn có thể tin, có thể hiểu, đó là thiện căn của bạn; bạn có thể y giáo phụng hành, đó là phước đức. Bạn có thể hành, có thể chứng, vãng sanh chính là chứng quả, bất luận ba bậc chín phẩm, dầu là vãng sanh hạ hạ phẩm trong cõi Phạm thánh đồng cư thì bạn cũng chứng đắc Phật quả cứu cánh viên mãn. Vì sao vậy? Sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, không một ai không viên thành Phật đạo trong một đời. Chúng ta nghiệp chướng nặng nề, sám trừ như thế nào? Sám trừ chính là sửa đổi. Kinh điển là tiêu chuẩn của đúng sai, thiện ác, bắt đầu học từ chỗ nào? Thế Tôn chỉ dạy chúng ta, bắt đầu làm từ Thập Thiện Nghiệp Đạo. Đại sư Ngẫu Ích có soạn bản trích lục cho kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, dài hơn bản trích lục của tôi, dùng kinh này để sửa lỗi làm mới thì rất thực dụng. Trên thực tế, những năm qua chúng tôi đề xướng ba cái gốc Nho, Thích, Đạo là có căn cứ hay không? Có phải là dựng chuyện bịa đặt hay không? Có căn cứ, căn cứ gì vậy? Căn cứ theo điều thứ nhất của tịnh nghiệp tam phước. Hiếu dưỡng cha mẹ bằng cách nào? Phụng sự sư trưởng bằng cách nào? Chúng ta thực hành Đệ Tử Quy, 113 điều trong Đệ Tử Quy đều là hiếu thân tôn sư, xuất phát từ tịnh nghiệp tam phước; đối với từ tâm không giết, chúng ta thực hiện Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của nhà Đạo, giảng về giáo dục nhân quả; câu cuối cùng là tu thập thiện nghiệp. Do vậy, chúng ta thực hành ba cái gốc Nho, Thích, Đạo là dựa trên điều thứ nhất trong tịnh nghiệp tam phước. Trước hết, bạn thực hành ba cái gốc này, sau đó bạn mới có thể vào cửa Phật, mới có thể thật sự tiếp nhận tam quy, ngũ giới. Điều thứ hai là “thọ trì tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi”. Điều này rất tuyệt vời, đầy đủ các giới, đầy đủ là không thiếu một điều nào. Trong Tiểu thừa có bao nhiêu điều? Ba ngàn oai nghi, tức ba ngàn điều; Đại thừa có bao nhiêu điều? Tám vạn bốn ngàn oai nghi, của Bồ-tát! Tận thiện tận mỹ. Nhiều điều như thế từ đâu mà ra? Thưa quý vị, từ Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo triển khai ra. Tám vạn bốn ngàn oai nghi của Bồ-tát quy nạp lại sẽ là ba thứ này, triển khai ra sẽ nhiều như vậy đó. Lần này, tôi ở Úc đến thăm Do Thái giáo, trưởng lão Do Thái giáo nói cho tôi biết, họ có sáu trăm điều giới luật. Tôi nghe xong rất hoan hỷ, tôi cũng mời ông giới thiệu cho tôi, mời họ tới học viện của chúng ta giảng về môn này để chúng ta học tập, đó là quy củ trong cuộc sống.

Hạ lão thông cả Tông lẫn Thuyết, tức Tông môn lẫn Giáo hạ đều thông, chữ thông này thật không dễ! Trong câu trước, bi trí song vận là nói đến đức hạnh của ngài, thông cả Tông lẫn Thuyết là nói về học vấn của ngài. “*Hiển Mật Thiên Tịnh đều viên dung trong một tâm*”, đây là nói về công phu của ngài, cảnh giới của ngài. Hiển giáo, Mật giáo, Thiên tông, Tịnh độ, bốn chữ này bao quát hết thấy các pháp do Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói trong 49 năm, không sót thứ nào, viên dung trong một tâm. Tuy là như thế, lão nhân gia “*chuyên hoằng dương pháp trì danh niệm Phật gồm thâu vạn đức*”, đây là nói ngài phát tâm đại Bồ-đề, phổ độ hết thấy chúng sanh, dùng phương pháp gì? Dùng Tịnh độ, dùng phương pháp trì danh niệm Phật trong Tịnh độ. Phương pháp này từ đâu mà có? Từ kinh Vô Lượng Thọ, từ kinh Di-đà, từ phép quán thứ 16 trong kinh Thập Lục Quán, phép quán thứ 16 chính là trì danh niệm Phật. Những cách khác gồm có thật tướng niệm Phật, quán tượng niệm Phật, đến cuối cùng là nói trì danh niệm Phật, trì danh là phương tiện cứu cánh. Đây là lão cư sĩ Hạ từ bi đến cực điểm, ngài dùng pháp môn này để gồm thâu vạn đức, vạn đức là trí tuệ và đức tướng xứng tánh nơi quả địa Như Lai. “*Vì hoằng dương Tịnh tông, nên nguyện cho bộ kinh đệ nhất trong Tịnh tông này được tan bụi, tỏa sáng*”, tan bụi, tỏa sáng là thí dụ, mong muốn bộ kinh bậc nhất của Tịnh tông nhất định phải có bản tốt nhất, có một bản tiêu chuẩn, cho nên phải hội tập lần nữa. Hai lần hội tập trước đều có tí vết, có sai sót, dấu hay nhưng chưa viên mãn, đây là điều tiếc nuối, cho nên lão nhân gia phát tâm hội tập lần nữa.

“*Mong cho kinh điển vô thượng này làm lợi lạc mai sau*”, tương lai vẫn còn chín ngàn năm mật pháp, thời mật pháp là một vạn năm. Người học Phật chúng ta không thể không biết pháp vận của đức Phật, rất nhiều người nói tới ngày tận thế, trong Phật pháp không có cách nói này, pháp vận của Phật hãy còn chín ngàn năm nữa. Mấy năm nay, tôi đã lớn tuổi, trí nhớ không tốt lắm, trước kia tôi nhớ rất rõ ràng, các vị trẻ tuổi hãy tra xem, theo ghi chép của người Trung Quốc, từ các trước tác của cổ nhân thì có thể tra ra, từ lúc Thích-ca Mâu-ni Phật diệt độ cho đến ngày nay, tôi nhớ hình như là ba ngàn ba mươi mấy năm, cụ thể là ba mươi mấy năm thì các vị hãy tra xem. Trong Niên Phổ của lão hòa thượng Hư Vân có nói ba ngàn ba mươi mấy năm. Pháp vận của Phật: chánh pháp là một ngàn năm, tượng pháp một ngàn năm, hiện nay đã qua hai ngàn năm, về sau mật pháp là mười ngàn năm, trong mười ngàn năm này mới có một ngàn lẻ ba mươi mấy năm trôi qua, cho nên thời gian về sau vẫn còn dài, làm gì có ngày tận thế? Trong thời kỳ mật pháp dài như thế, Phật pháp có hưng, có suy, trước đây đại sư Chương Gia đã nói với tôi chuyện này.

Ngài bảo tôi, hiện nay Phật pháp đã suy đến mức cùng cực, nhưng đừng sợ, sẽ hưng khởi, Phật pháp sẽ hưng khởi lại, có hưng suy nhưng không diệt. Tới khi nào sẽ diệt? Chín ngàn năm sau thì Phật pháp thật sự sẽ diệt. Chúng ta tin đức Phật không nói dối, Như Lai là người nói lời chân thật, nói đúng sự thật, sự thật như thế nào thì nói như thế đó, không nói lời lừa gạt, chúng ta tin tưởng ngài. Vì thế, Hạ lão mong bộ kinh này sẽ có một bản tiêu chuẩn hoàn thiện vô cùng hay, bản này sẽ làm lợi lạc trong tương lai, về sau còn chín ngàn năm nữa.

Pháp môn nào, kinh điển nào là khế cơ nhất? Phải là bộ kinh này. Trong bộ kinh này, từng câu từng chữ đều do đức Phật nói, không giả chút nào. Bản dịch gốc được dịch từ tiếng Phạn, trong bản tiếng Phạn có rất nhiều chỗ khác nhau, cho thấy Thích-ca Mâu-ni Phật không phải chỉ tuyên giảng kinh này một lần, mà là tuyên giảng nhiều lần, nhìn từ năm bản dịch gốc thì thấy tối thiểu là ba lần tuyên giảng. Chúng ta bị thất truyền bảy bản, không tìm thấy nữa, nếu bảy bản ấy vẫn còn, có phải là còn có những chỗ không giống nhau hay không? Bạn có thể tìm thấy chứng cứ kinh này đã được giảng hơn ba lần. Đây là Thế Tôn từ bi vô tận, chúng ta hiểu rõ thì mới có thể sanh tâm cảm ân. Nếu không nhờ pháp môn này thì chúng ta không thể được độ, chắc chắn là vậy. Chúng ta có thể sanh lên trời, nhưng không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Thoát khỏi lục đạo luân hồi rất khó, đoạn kiến tư phiền não không dễ dàng, không đoạn kiến tư thì bạn không thể ra khỏi luân hồi. Sanh lên trời thì có ai chưa từng sanh lên trời đâu? Tất cả chúng sanh trên địa cầu này, bạn hỏi xem có ai chưa từng sanh lên trời? Trong quá khứ đều từng ở trên trời, hưởng hết phước trời, nghiệp chương hiện tiền thì lại đọa xuống, chuyện là như thế đó, lên lên xuống xuống trong lục đạo. Có người nào mà chưa từng đọa địa ngục đâu? Có đọa, trong các đồng học học Phật của chúng ta có, làm sao biết được? Do thôi miên nên biết. Chuyên gia thôi miên đưa họ vào trạng thái thôi miên sâu, sau đó hỏi: “Anh đang ở đâu?” “Ở địa ngục”. Tình hình ở địa ngục khổ vô cùng, chịu khổ trong địa ngục. Người ấy từng vào địa ngục, và cũng từng lên thiên đường, thật vậy! Trong lục đạo, đường nào họ cũng đều đã từng trải qua, cho nên không có gì hiếm lạ cả.

Hiểu rõ chân tướng sự thật này thì bạn liền biết được, con người có chết hay không? Không chết, mà là luân hồi trong lục đạo. Sanh tử là thân xác thịt, nhục thân có sanh diệt, đây là một hiện tượng bình thường, linh hồn bất diệt. Thừa quý vị, linh hồn là mê, khi mê gọi là linh hồn; giác ngộ rồi thì không gọi là linh hồn, mà gọi là linh tánh, linh tánh bất diệt. Chưa ra khỏi lục đạo thì gọi là linh hồn, ra khỏi lục đạo

thì gọi là linh tánh, đó là ai? Từ A-la-hán trở lên, chỉ cần bạn thoát khỏi lục đạo luân hồi thì là A-la-hán. A-la-hán được gọi là linh tánh, họ không mê, cho nên A-la-hán đặc được Chánh giác. A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề là mục tiêu chung và duy nhất của người học Phật chúng ta, học Phật muốn đạt được điều gì? Chính là điều này. Dịch sang nghĩa Trung Quốc là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. A-la-hán đặc Chánh giác; Bồ-tát đặc cao hơn, Chánh đẳng chánh giác; sở đặc của Phật có thêm Vô thượng, tức là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vô thượng chánh đẳng chánh giác ra khỏi mười pháp giới, trụ trong cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai, chúng ta cũng thường gọi cảnh giới ấy là nhất chân pháp giới. Bồ-tát vẫn ở trong tứ thánh pháp giới của mười pháp giới.

Đây là nói rõ với chúng ta, pháp vận của Thích-ca Mâu-ni Phật hãy còn chín ngàn năm nữa. Sau chín ngàn năm, khi thế gian này không còn Phật pháp nữa thì thật rất khổ. Phật Bồ-tát không bỏ chúng sanh khổ nạn, khi ấy dù Phật Bồ-tát không hiện thì vẫn có một vị đại diện. Tôi nghĩ vị này quý vị đều biết, Địa Tạng Vương Bồ-tát, ngài thay Phật hóa độ chúng sanh, đại diện cho Phật, mãi cho đến khi đức Phật kế tiếp xuất thế, đức Phật kế tiếp là Bồ-tát Di-lặc. Hiện nay có rất nhiều lời đồn là Bồ-tát Di-lặc đã hạ phàm, nói với quý vị, đó là giả, không được tin tưởng. Bồ-tát Di-lặc ứng hóa trong thế gian này là chuyện bình thường, không hiếm lạ tí nào. Trong các truyện ký của Phật môn Trung Quốc đã ghi chép rất rõ ràng, vào thời Tống, hòa thượng Bồ Đại là Bồ-tát Di-lặc hóa thân. Hiện nay, chúng ta thờ tượng hòa thượng Bồ Đại chính là thờ hóa thân của Bồ-tát Di-lặc. Chúng ta thấy Bồ-tát Di-lặc ở Tây Tạng, hoặc thấy tượng Bồ-tát Di-lặc của Phật giáo Nam Truyền, ngài có hình dáng giống như Quán Thế Âm Bồ-tát, người gầy gầy, không phải là dáng vẻ này. Ngài thị hiện ở Trung Quốc thì dùng hình tướng hòa thượng Bồ Đại, cho nên dùng hình dáng ấy để tạc tượng. Theo một ghi chép khác thì ngài là Đại sĩ Phó vào thời Đường¹, hiện thân cư sĩ, đó là Bồ-tát Di-lặc tái lai. Phật Bồ-tát thường đến ứng hóa trong thế gian, nên dùng thân nào để độ được liền hiện thân ấy. Nói Bồ-tát Di-lặc đã thành Phật, hay Bồ-tát Di-lặc lại xuống nhân gian làm Phật rồi, đều là giả. Khi nào thì Bồ-tát Di-lặc sẽ giáng sinh đến nhân gian làm Phật? Trong kinh Di-lặc Hạ Sanh đã nói rất rõ ràng, năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau. Trong thời gian này không có Phật xuất thế,

¹ Ở đây có thể là Hòa thượng nói nhầm về thời đại, thực ra Đại sĩ Phó sống vào thời Lương thuộc Nam Bắc triều, tên Phó Hấp (497 - 569), người Ô Thương, Đông Dương (nay là huyện Nghĩa Ô, Chiết Giang), tự Huyền Phong, hiệu Thiện Huệ, cùng với ngài Bảo Chí (Chí Công) được tôn xưng là hai vị Đại sĩ thời Lương.

Bồ-tát Địa Tạng thay mặt. Chúng ta nhất định phải căn cứ trên những điều kinh điển đã ghi chép, đó là thật, không phải giả.

Cho nên Phật pháp vẫn còn thời gian dài như thế, trong thời kỳ mạt pháp, pháp môn này sẽ dần dần biến thành pháp môn chánh yếu. Vì sao vậy? Các pháp môn khác tuy hay nhưng không hợp căn tánh, bạn nương theo những pháp môn khác tu học sẽ hết sức khó khăn, rất khó thành tựu, thế nên Tịnh tông biến thành chủ yếu. Trở thành chủ yếu nhưng nếu không có một kinh điển tiêu chuẩn để chúng ta nương theo thì thật rất đáng tiếc, do vậy mới cảm được, cũng có nghĩa là nói do người tu hành trong chín ngàn năm thời mạt pháp có nhu cầu, nhu cầu ấy là cảm, nên Phật Bồ-tát có ứng. Sự ứng ấy chính là cư sĩ Hạ Liên Cư xuất hiện trong thế gian, do chúng sanh có cảm, ngài bèn tới ứng hóa. Ngài đến thế gian này để làm chuyện gì? Để làm chuyện này, chúng ta hiểu rất rõ ràng. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ biết, nhưng tôi không biết, tôi thỉnh giáo ngài, tôi hỏi: “Rốt cuộc Hạ lão là vị nào tái lai?” Hoàng lão mỉm cười: “Hiện nay vẫn phải giữ kín, hiện nay không thể nói được!” Không thể nói, hiện giờ ngài cũng khuất bóng rồi, tôi không hỏi ai được. Chắc chắn không phải người phạm, bạn hãy nghĩ xem, Vương Long Thư có phải là người phạm hay không? Ngụy Mặc Thâm có phải là người phạm hay không? Người phạm không thể làm được. Ngài Hạ Liên Cư đã hội tập ra một bản viên mãn như vậy, chúng tôi suy đoán, nếu ngài không phải là A-di-đà Phật tái lai thì nhất định là Quán Thế Âm Bồ-tát tái lai, mới có trí tuệ, mới có đức năng để làm chuyện lớn lao này. Điều này cũng giống như thầy Lý thường nói với chúng tôi: nói theo lý thì thông, nhưng trên mặt sự không có chứng cứ, nhưng về lý thì nói được thông.

Làm lợi lạc mai sau, “*bèn kế tục tiền nhân, hội tập lần nữa*”. Tiền nhân là ba vị trước đó, trên thực tế là hai vị, tức Vương Long Thư và Ngụy Mặc Thâm, để làm hội tập lần thứ ba, đây là phiên bản thứ chín. Đoạn tiếp theo nói rõ tâm thái và trải nghiệm khi hội tập lại lần nữa, ngài dùng tâm thái như thế nào. “*Xả bỏ muôn duyên*”, chúng ta thường nói là buông xuống vạn duyên, điều gì cũng đều buông xuống. “*Bé quan ba năm*”, bé quan trong thời gian ba năm, dùng cách thức này để buông bỏ hết thảy những thứ quấy nhiễu. Một mình ngài, vì trong phần sau có một câu: “*Chuyên tâm nhất chí, lặng lẽ hoàn thành*”, đây là nói chỉ một mình, không có đồng bạn. “*Tịnh đàn kết giới*”, đây là ngài chân thành thực hiện công tác hội tập này. Ba năm sau thì hoàn thành bản thảo, sau khi đã hoàn thành thì “*sửa bản thảo mười lần*”, trải qua mười lần tu đính. “*Mới vui mừng thành tựu kinh*”, kinh này mới thành tựu.

Không phải là ba năm bèn thành tựu, mà ba năm mới hoàn thành bản thảo đầu tiên, mất mười năm mới hoàn thành bản hoàn chỉnh, bạn thấy ngài nghiêm túc biết bao. Đây là biểu pháp cho chúng ta, biểu pháp này có ý nghĩa gì vậy? Mười phần thành kính liền được mười phần lợi ích. Bộ kinh này công đức viên mãn, ngài không hề có may mắn khinh mạn nào, nếu dùng tâm khinh mạn thì chắc chắn bạn không thể làm thành công, chắc chắn có tì vết. Hạ lão hội tập chân thành như vậy, ngày nay chúng ta thọ trì thì cũng phải dùng tấm lòng chân thành như Hạ lão để thọ trì thì mới đạt được lợi ích. Nếu không có tâm chân thành như thế, quyển kinh bày ra trước mặt bạn, mỗi ngày đọc tụng nhưng không có lợi ích, đây là điều mà chúng ta nhất định phải biết.

Vì sao chúng ta học Phật học lâu năm như thế mà vẫn hời hợt, bộp chộp? Trong tâm vẫn đầy ắp tham, sân, si, mạn, nghi? Học Phật đã lâu năm như thế mà năm độc có giảm được phần nào hay không? Không có. Giống như không học Phật thì xem ra còn chưa đến nỗi, sợ nhất điều gì? Năm độc mỗi năm đều tăng trưởng theo tuổi tác của mình, như vậy thì phiền phức lớn rồi, phiền não tập khí ngày càng nặng, nếu là tình trạng như vậy thì chính mình phải hiểu rõ rằng sẽ không tránh khỏi luân hồi. Luân hồi vào đâu? Đời sau ta còn có thể được làm thân người hay không? Vậy thì phải hỏi bạn, bạn tu thập thiện nghiệp ra sao? Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta, trung phẩm thập thiện sẽ được làm thân người, đời sau vẫn được làm người. Bạn hãy tự suy nghĩ, hãy dựa vào lương tâm của bạn để chấm điểm xem thập thiện nghiệp đạo của bản thân liệu có được 70 hay 80 điểm không? Có thể được 70, 80 điểm thì đời sau bạn không mất thân người; nếu nói mình chỉ được 50 điểm thì không chắc ăn, cơ duyên đọa lạc vô cùng nhiều; nếu đạt điểm trọn vẹn, sẽ là trời Dục giới, đại đa số sanh về đâu? Lên trời Đao-lợi, trời Đao-lợi thì phải được trọn điểm. Thực hiện thập thiện nghiệp bằng cách nào? Đệ Tử Quy, Đệ Tử Quy chính là bước đầu của việc thực hành thập thiện nghiệp. Một trăm mười ba điều của Đệ Tử Quy, bạn đã làm được hay chưa? Từ chỗ này mà suy nghĩ thì bạn sẽ sợ, vì sao vậy? Nếu không thể vãng sanh, vẫn phải tiếp tục luân hồi thì cơ duyên đọa ba đường ác quá nhiều, duyên trong ba đường thiện quá mỏng. Làm thế nào đây? Có sợ hay không? Sợ! Có thể sửa đổi hay không? Vẫn không thay đổi thì có sợ cũng vô ích.

So với pháp sư Oánh Kha đời Tống thì chúng ta kém xa, ngài quả thật là người xuất gia phá giới, hủy phạm thanh quy, tự biết do khởi tâm động niệm, lời nói việc làm của mình chắc chắn sẽ đọa địa ngục, ngài sợ, ngài biết địa ngục khổ, hỏi đồng

tham đạo hữu có phương pháp nào cứu giúp hay không? Bạn đồng học cũng tuyệt lắm, tặng ngài một quyển Vãng Sanh Truyện, bảo ngài tự xem. Ngài xem rồi cảm động, cứ xem xong một bài, rồi lại đau đớn khóc ròng, sanh tâm sám hối, hạ quyết tâm bẻ quan niệm Phật, ba ngày ba đêm không ngủ, không ăn, không nghỉ, một câu Phật hiệu chân thành niệm đến cùng. Đây là gì? Sợ nỗi khổ địa ngục! Cầu cứu mạng nên thật sự làm. Niệm ba ngày ba đêm cảm được A-di-đà Phật hiện đến, A-di-đà Phật thật sự từ bi, bạn thật sự tu thì ngài sẽ thật sự quan tâm chăm sóc bạn. A-di-đà Phật hiện đến bảo ngài: “Ông còn thọ 10 năm nữa, hãy gắng niệm Phật, đợi khi hết tuổi thọ thì ta sẽ đến tiếp dẫn ông”. Ngài Oánh Kha nghe xong liền xin A-di-đà Phật, ngài nói: “Con không cần 10 năm tuổi thọ, nếu con sống thêm 10 năm nữa, bản thân con sẽ không chống đỡ nổi dụ hoặc, không biết lại tạo ra bao nhiêu tội nghiệp, 10 năm tuổi thọ con không cần nữa, bây giờ con đi theo ngài”. A-di-đà Phật thông tình đạt lý, bảo ngài: “Được, ba ngày sau ta đến đón ông”. Ngài vui mừng, mở toang cửa phòng và nói với đại chúng: “Tôi niệm Phật ba ngày, Phật đã hiện đến rồi, ba ngày nữa A-di-đà Phật sẽ tiếp dẫn tôi vãng sanh”. Đồng tham đạo hữu trong chùa ai nấy đều cảm thấy rất ngạc nhiên: “Thời gian ba ngày dù sao cũng không dài, xem thầy ba ngày sau có vãng sanh hay không?” Nhưng nghe lời lẽ của ngài không giống như gạt người, dường như là thật sự có chuyện như vậy. Tới ngày thứ ba, ngài yêu cầu đại chúng niệm Phật tiễn mình vãng sanh; đương nhiên đại chúng hoan hỷ, được rồi, đều niệm Phật hồi hướng cho ngài. Niệm Phật chưa đầy 15 phút, ngài bảo mọi người: “A-di-đà Phật đã đến rồi, tôi nhìn thấy ngài đến tiếp dẫn tôi rồi”, rồi tịch, thật sự ra đi. Kinh Di-đà có nói “hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày”, là thật, không phải giả. Pháp sư Oánh Kha làm biểu pháp cho chúng ta, thật sự sợ khổ địa ngục, buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, lập tức vãng sanh. Tuổi thọ bao nhiêu cũng không cần, ở trong thế gian này đều là tạo nghiệp, chỉ cần bản thân chúng ta buông xuống, xả bỏ muôn duyên, thật làm.

Ba năm trước có một cư sĩ ở Thâm Quyển, là một thanh niên ba mươi mấy tuổi, tên là Hoàng Trung Xương, nghe trong Vãng Sanh Truyện có nói niệm Phật ba năm thì có thể vãng sanh, anh ấy bèn bẻ quan xem thử ba năm có thể thành tựu hay không? Ở trong quan phòng 2 năm 10 tháng, còn thiếu 2 tháng nữa mới mãn thời hạn, anh đã biết trước giờ đi, vãng sanh rồi, cũng không sanh bệnh. Sau khi hỏa táng đã lưu lại xá-lợi, hiện nay đang được thờ trong một đạo tràng nhỏ tại Thâm Quyển, chứng minh cho chúng ta thấy đây là thật, không phải giả. Ba năm trong quan phòng, mỗi ngày anh tụng kinh Vô Lượng Thọ một lần, ngoài ra Phật hiệu không gián đoạn.

Phương pháp tôi dạy anh là phương pháp của pháp sư Đệ Nhàn dạy người đồ đệ làm thợ vá nôi: Niệm mệt thì nghỉ, không phân biệt ngày đêm, tỉnh dậy thì tiếp tục niệm, thật sự làm được tâm không có ý niệm nào khác, chỉ một câu A-di-đà Phật. Anh khác với ông thợ vá nôi ở chỗ mỗi ngày tụng kinh Vô Lượng Thọ một lần, tụng thêm một bộ kinh Vô Lượng Thọ, nhưng Phật hiệu không gián đoạn, thành công rồi. Vãng sanh khó hay không? Không khó! Vấn đề là bạn có chịu buông xuống hay không, mấu chốt là ở chỗ này. Xả bỏ muôn duyên là câu then chốt, chỉ cần làm được câu này là được.

Vì thế ở đây có sáu câu, mỗi câu gồm bốn chữ, giới thiệu tâm thái và sự từng trải trong việc hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Sau khi bản thảo của kinh này được hoàn thành, bản thảo lần thứ mười được hoàn thành. *“Trước hết, được lão pháp sư Huệ Minh là một vị thông triệt cả Tông lẫn Giáo, cầm bản hội tập chụp ảnh trước Phật đài để làm chứng minh”*. Lão hòa thượng Huệ Minh là một đại đức trong Phật môn thuở ấy. Trong bản in này không có [bức hình ấy], bản tôi in lần đầu, phía trước có bức ảnh lão pháp sư Huệ Minh tay nâng cuốn sách này chụp hình trước Phật đài để làm chứng minh cho ngài. Bức hình này rất dễ tìm, chúng tôi in ra với số lượng rất nhiều. *“Tiếp đó, bậc đại đức trong Luật tông là lão pháp sư Từ Châu chuyên giảng kinh này ở Tế Nam, lại còn đích thân làm khoa phán”*. Khoa phán là phân định kết cấu chương pháp, cương lĩnh then chốt trong một bộ kinh, ngày nay chúng ta gọi là phân đoạn, chia thành từng tầng rõ ràng để giải thích bộ kinh này. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã tặng tôi bản khoa phán này của lão pháp sư Từ Châu, không phải tặng bản gốc, mà là bản photocopy, tôi cất giữ tại Úc. Trước giờ đọc bản khoa phán ấy, pháp sư Từ Châu khi ấy giảng kinh này ở Tế Nam không phải là bản hiện thời, bản hiện nay là bản hiệu đính lần thứ mười, [bản mà ngài sử dụng] là bản trước đó. Vì sao vậy? Chúng ta hôm nay xem bản này, Hạ lão chia ra từng chương, nhà Phật gọi là phẩm, có 48 phẩm, còn bản của pháp sư Từ Châu dùng khi ấy là 37 phẩm, tức là toàn kinh được chia thành 37 phẩm. Do đây có thể biết, đó không phải là bản cuối cùng. Tôi dựa theo bản khoa phán của ngài, lấy nó làm gốc, tôi cũng soạn một bản khoa phán rất tỉ mỉ, chính là bản sau cùng, bản gồm 48 phẩm, chúng ta có bản khoa hội được lưu thông rất rộng. Sau khi tôi viết xong, đã tặng một quyển cho lão cư sĩ Triệu Phác Sơ. Cụ Triệu nhìn thấy hết sức vui mừng, bảo kinh Vô Lượng Thọ cuối cùng xem như hoàn thiện rồi. Bạn thấy đó, có bản hội tập, có bản chú giải của ngài Hoàng Niệm Tổ, tôi có giảng ký, bởi vì lúc trước tôi đã giảng mười lần, có giảng ký,

lại có khoa phán tử mi như vậy. Cụ nói bộ kinh này mọi thứ đều trọn vẹn rồi, vui mừng vô hạn.

Chúng ta xem tiếp: “*Người cậu đã khuất của tôi là lão cư sĩ Mai*”, tức lão cư sĩ Mai Quang Hy, lão cư sĩ Mai là thầy của thầy Lý Bình Nam, chúng tôi gọi ngài là sư ông, thầy Lý Bình Nam học Phật pháp với lão cư sĩ Mai, có quan hệ thầy trò. “*Giảng kinh này trên đài phát thanh Trung Ương, khen bản này là bản hoàn thiện nhất*”, so với hai bản hội tập trước kia, bản này là hoàn thiện; nói cách khác, trong bản này không tìm được tí vết nào. “*Sau đó, trong phần lời tựa của kinh này lại ca ngợi rằng*”, Mai lão có viết một bài tựa rất dài để giới thiệu bộ kinh này với đại chúng. Bài tựa này hay vô cùng, trong đó có những câu như thế này: “*Tinh yếu, thỏa đáng, rõ ràng, xác thực, rành rành có căn cứ*”. Tinh là tinh yếu, đáng là thỏa đáng, minh là rõ ràng, xác là xác thực, sau khi bạn đọc lời tựa này, từng câu từng chữ đều là lời khẳng định với bạn, bạn sẽ không nghi hoặc. “*Rành rành có căn cứ*” là căn cứ theo năm bản dịch gốc, không hề sửa đổi mảy may, ngay cả tên kinh cũng không sửa đổi, tựa đề của kinh cũng là hội tập, đến phần sau chúng ta sẽ thấy. “*Không nghĩa nào mà không có trong bản dịch gốc, không một câu nào vượt ngoài nguyên văn*”, hai câu này cho thấy bản hội tập này đã sửa được những khuyết điểm trong hai bản hội tập trước đó, quả thật đã tuân thủ quy củ dịch kinh, không dùng ý của mình để sửa đổi một chữ nào.

“*Gian nan, trúc trắc, sâu xa, khó hiểu*”, đây là nói về những chỗ trong bản dịch gốc, gian là gian nan, rất khó đọc, sáp là khó hiểu, trầm là quá sâu, còn hời nghĩa là không dễ gì hiểu rõ, trong các bản dịch gốc có [những khuyết điểm này]. Đây là lý do vì sao kinh này không được lưu thông rộng rãi. Bởi vì khi phiên dịch đã dùng những văn tự như thế, quả thật Hoàng lão đã miêu tả khá chính xác, “*gian nan, trúc trắc, sâu xa, khó hiểu*”, bạn đọc các bản dịch gốc sẽ thấy rất khó hiểu! Còn bản của Hạ lão thì sao? “*Khiến cho rõ ràng sáng tỏ*”, Hạ lão đã lược bỏ những chỗ này, đây chính là lấy bỏ, trong khi hội tập sẽ cân nhắc để lấy bỏ. Phạm những chỗ nào gian nan, trúc trắc, sâu xa, khó hiểu, ngài đều không dùng, ngài chọn lấy những chỗ rất rõ ràng sáng tỏ, khiến bạn đọc sẽ thấy rất thoải mái. Như hiện nay chúng ta đọc bản này, bạn xem thoải mái biết bao, không cảm thấy quá sâu, cũng không khó hiểu, ý nghĩa đều rất rõ ràng, không có chỗ nào tối nghĩa, điều này khó được. “*Rườm rà, trùng lặp, thừa thãi, lan man*”, chúng ta gọi điều này là dài dòng, luộm thuộm, trùng lặp, vì người Ấn Độ thích lặp đi lặp lại, không giống người Trung Quốc, người Trung

Quốc thích đơn giản dễ hiểu, còn người ngoại quốc thích lặp đi lặp lại. Lặp đi lặp lại cũng có lợi, vì sao? Khiến cho bạn nhớ sâu hơn, cho nên nó cũng có lợi. Người Trung Quốc từ xưa tới nay chú trọng “giản yếu tường minh”, tức là ngôn ngữ văn tự đều chú trọng nguyên tắc này, phải đơn giản, phải nêu được ý chính, lại còn rõ ràng, và phải dễ hiểu, giản yếu tường minh, vừa phải chi tiết, vừa phải rõ ràng, yêu cầu bốn tiêu chuẩn này. Vì thế khi đọc nhiều sách của Trung Quốc rồi thì đọc kinh Phật rất khó, cả bộ Đại tạng kinh, những chỗ gian nan, trúc trắc, sâu xa, khó hiểu, rườm rà, trùng lặp, thừa thãi, lan man được nhắc đến ở đây thật sự là rất nhiều. Bản hội tập của Hạ lão “*quy về đơn giản, rõ ràng*”. “*Điều chỉnh rút gọn chỗ luộm thuộm, rối rắm*”, ngài đã điều chỉnh, rút gọn chúng đi rồi. “*Khiến cho những chỗ thiếu sót được viên mãn*”, những chỗ khiếm khuyết đều được ý trong kinh này bổ sung, đọc lên đều thấy viên mãn. Công việc này không dễ thực hiện, ngài đã làm suốt 10 năm, không phải là hoàn thành một cách cầu thả hời hợt, mà là trong 10 năm, mỗi ngày đều nghiên cứu, mỗi ngày đều chỉnh sửa.

“*Mong mọi điều tốt đẹp đều trọn đủ, mọi nghĩa đế chân thật đều gồm thâu... Dù muốn bảo không phải là bản tốt nhất cũng chẳng thể được*”, đây là lời đại sĩ Mai Quang Hy đánh giá bản hội tập này. Hạ lão hội tập quá hay, xác thực là bản hội tập hoàn chỉnh của năm bản dịch gốc, bạn xem bản này hay biết bao. Nhưng hiện nay vẫn có người hoài nghi bản này, đó là gì? Đó là nghiệp chướng, người ấy có chướng ngại, họ có phiền não, họ có tập khí, không hiểu được bi trí hoàng nguyện của thầy Hạ Liên Cư. Ngài đến thế gian này để làm gì? Ngài tốn thời gian suốt 10 năm nơi bộ kinh này, chính là đến để làm chuyện này, đến làm thị hiện. Ngài biết pháp môn này, bộ kinh này trong thời gian dài chín ngàn năm về sau sẽ có vô số chúng sanh nhờ pháp môn này mà được độ, đây là bản kinh tiêu chuẩn. Ngài đến là làm việc này cho chúng ta, khó được biết bao, hiếm có biết bao, nay chúng ta biết được, đây chính là biết ân, biết ân thì bạn mới sẽ báo ân. Chúng ta dùng điều gì để báo ân? Y giáo phụng hành, trong đời này quyết định vãng sanh Tịnh độ, đến thế giới Cực Lạc gặp ngài Hạ Liên Cư, đó chính là báo ân ngài, ngài tiếp dẫn chúng ta đi.

“*Do vậy, từ khi bản hội tập của thầy ra đời đến nay, không chân mà chạy khắp chốn*”, hễ là cẳng chân, không có chân mà vẫn có thể chạy, ý nghĩa này chính là nói được truyền bá rất nhanh. Thật ra, cũng không phải là chuyện đơn giản như thế, lão cư sĩ Hoàng nói cho tôi biết, ngài nói thầy tôi, tức là thầy Hạ Liên Cư, đã bảo với ngài rằng: bản hội tập này của ngài trong tương lai sẽ từ hải ngoại truyền vào trong

nước. Lúc bấy giờ họ đều cảm thấy không sao hiểu được, làm sao có thể như thế được? Sau này gặp tôi, thật sự là từ hải ngoại truyền vào trong nước, chúng tôi là người đầu tiên hoằng dương tại hải ngoại, chỉ có hai, ba bản truyền đến Đài Loan. Thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bình Nam nhận được, đọc lời tựa rất dài do thầy mình là cụ Mai Quang Hy viết ở đầu sách, cho nên rất hết lòng học tập, thế nên thầy bắt đầu giảng tại Đài Trung, giảng bằng bản này. Thầy có viết mi chú, khi thầy bắt đầu giảng bản này tại Đài Trung, lúc ấy tôi vẫn chưa học Phật, sau này tôi học Phật, tới Đài Trung quen được thầy, thầy tặng cho tôi bản ấy. Tôi vừa nhìn thấy thì hết sức hoan hỷ, thật vậy, bởi vì thầy chú thích rất rõ ràng, phân đoạn rất rõ ràng, tôi bèn muốn giảng kinh này. Nhưng thầy bảo tôi thời tiết nhân duyên chưa chín muồi. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chuyện này để đến mai tôi kể tiếp cho quý vị. Khó khăn trùng trùng! Hiện nay không còn nữa, hiện nay đối với bản này thì mọi người không còn nghi hoặc nữa, đã được quốc gia khẳng định rồi. Tại Trung Quốc, cục tôn giáo nhà nước đã chấp nhận, hiện nay không còn ai nói gì nữa, thật sự trở thành bản hoàn chỉnh trong Tịnh tông. Được rồi, hôm nay học đến đây, cảm ơn mọi người.